

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Kiên
2. Ông Hà Phú Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Đoàn Thị H: Bà Hồ Huỳnh Tố H, là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Thái S (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Hồ E (tên gọi khác Hó E), sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị H và anh Hồ E chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết

hôn số 103, quyền số 05, cấp ngày 29/6/2009. Quá trình chung sống, chị H và anh Hồ E có một người con chung là cháu Phạm Tú H, sinh ngày 16/9/2006, hiện cháu Hảo đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung có một căn nhà cấp bốn có kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, lợp tol, nền gạch men, nhà được xây trên đất của cha mẹ ruột chị H cho mượn; 01 xe gắn máy biển kiểm soát 94C-12298, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Phần tài sản này chị H và anh Hồ E tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Hồ E. Nguyên nhân ly hôn, chị H xác định, chị và anh Hồ E bất đồng ý kiến, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, chị và anh Hồ E đã ly thân 05 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị H yêu cầu ly hôn với anh Hồ E. Về con chung, chị H yêu cầu nuôi cháu Hảo và không yêu cầu anh Hồ E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Hồ E (Hó E) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022: Anh với chị H tự nguyện chung sống với nhau năm 2005, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng, huyện L, tỉnh B. Quá trình chung sống, anh và chị H có một người con chung là cháu Phạm Tú H, sinh ngày 16/9/2006, hiện cháu Hảo đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung, anh Hồ E đồng ý giao cháu Hảo cho chị H tiếp tục nuôi dạy. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Hồ E. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hảo cho chị H tiếp tục nuôi dạy, giáo dục do cháu Hảo có nguyện vọng sống với chị H và hiện đang sống chung với chị H. Chị H không yêu cầu anh Hồ E cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 07 tháng 02 năm 2022 chị Đoàn Thị H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh

Phạm Văn Hồ E. Anh E có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện L, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh Hồ E và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H là bà Hồ Huỳnh Tô Hiền đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị H, bà Hiền và anh Hồ E theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị H và anh Hồ E tự nguyện chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 05, cấp ngày 29/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng, huyện L, tỉnh B nên hôn nhân giữa chị H và anh Hồ E là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị H xác định trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh Hồ E thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, anh Hồ E không lo làm ăn. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Hồ E. Về phía anh Hồ E thừa nhận cuộc sống vợ chồng anh với chị H không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh Hồ E đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị H và anh Hồ E không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị H và anh Hồ E đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị H không còn tình cảm với anh Hồ E, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Hồ E là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Hồ E.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Hồ E có một người con chung là cháu Phạm Tú H, sinh ngày 16/9/2006, hiện cháu Hảo đang sống chung với chị H. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị H yêu cầu nuôi cháu Hảo và không yêu cầu anh Hồ E cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu H, do cháu H đang sống cùng chị H và cháu H cũng có nguyện vọng ở với chị H nên cần giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dạy. Điều này anh Hồ E cũng thống nhất.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị H không yêu cầu anh Hồ E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Chị H và anh Hồ E xác định, vợ chồng anh chị chung sống có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị H và anh Hồ E xác định, vợ chồng anh chị chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị H phải chịu 300.000 đồng, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000862 ngày 18 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị H là bà Hồ Huỳnh Tố H phát biểu quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án: Chị H và anh Hồ E đăng ký kết hôn năm 2009, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh Hồ E phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2018 đến nay, hiện không còn tình cảm nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Hồ E và anh Hồ E cũng đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Hồ E. Về con chung, do cháu Phạm Tú H có nguyện vọng sống với chị H, điều này anh Hồ E và chị H cũng thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hảo cho chị H tiếp tục nuôi dạy, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đoàn Thị H đối với anh Phạm Văn Hồ E (Hó Em).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tú H, sinh ngày 16/9/2006 cho chị Đoàn Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu H đang sống cùng với chị H.

Anh Hồ E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn Hồ E cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị H phải chịu 300.000 đồng, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000862 ngày 18 tháng 02 năm 2022 được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi